

TIN QUỐC TẾ

Ấn Độ phản đối thông qua Hiệp định tạo thuận lợi hóa thương mại của WTO



TIN VIỆT NAM

Đàm phán FTA Việt Nam-Liên minh Hải quan đẩy nhanh tốc độ, đặt mục tiêu kết thúc cuối năm nay



BẢN TIN

DANH NGHIỆP & CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số 18+19, Quý I+II/2014

www.trungtamwto.vn

Sự kiện biển Đông và những kỳ vọng TPP



Lời giới thiệu

Trong tay Bạn là Bản tin “**Doanh nghiệp và Chính sách thương mại quốc tế**”, ấn phẩm phát hành hàng quý của Ủy ban tư vấn về Chính sách Thương mại Quốc tế - Trung tâm WTO – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Mục “**Điểm tin**” của Bản tin sẽ mang đến cho Bạn các thông tin cập nhật cùng các bình luận cơ bản về những sự kiện, những câu chuyện từ tất cả các chiều hội nhập (WTO, đa phương, song phương).

Mục “**Chuyên đề**” tập trung chuyên sâu vào một chính sách, quy định, vấn đề thương mại quốc tế đặc biệt, đã hoặc có thể có tác động mạnh mẽ đến các doanh nghiệp với những phân tích, bình luận sâu sắc của các chuyên gia.

Hy vọng rằng Bản tin “Doanh nghiệp và Chính sách Thương mại quốc tế” sẽ là cẩm nang hữu ích cho doanh nghiệp, hiệp hội trong việc tăng cường thông tin về chính sách, pháp luật thương mại quốc tế để chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình hội nhập, có tiếng nói tích cực hơn và tham gia hiệu quả hơn cùng với Nhà nước trong việc hoạch định chính sách, đàm phán và thực thi các cam kết quốc tế.



Điểm tin

Tin quốc tế

Ấn Độ phản đối thông qua Hiệp định tạo thuận lợi hóa thương mại của WTO	2
Vòng đàm phán thứ sáu TTIP không có nhiều tiến triển	4
Hoa Kỳ, EU bất đồng về bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong TTIP	5
Hàn Quốc và Australia ký tắt FTA song phương	6
Các chuyên gia y tế New Zealand lo ngại cơ chế ISDS trong TPP sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới mục tiêu bảo vệ sức khỏe người dân	7

Tin Việt Nam

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của Liên minh châu Âu	8
Cơ hội xuất khẩu cho nông sản Việt Nam thông qua bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở EU	9
Đàm phán FTA Việt Nam-Liên minh Hải quan đầy nhanh tốc độ, đặt mục tiêu kết thúc cuối năm nay	10
FTA Việt Nam – Chile bắt đầu có hiệu lực	11



ỦY BAN TƯ VẤN VỀ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
TRUNG TÂM WTO
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.35771458
Fax: 04.35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn/www.wtcenter.vn

Chuyên đề

SỰ KIỆN BIỂN ĐÔNG VÀ NHỮNG KỶ VỌNG TPP

Từ đầu tháng 5/2014, Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương 981 cùng các tàu hộ tống vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam. Ngày 16/7/2014, Trung Quốc đã di chuyển giàn khoan Hải Dương 981 ra khỏi vùng biển của Việt Nam. Chưa rõ ý định và các hành động tiếp theo của Trung Quốc như thế nào. Tuy nhiên, sự việc này gây ra các hệ lụy đang hoặc có thể xảy ra trong tương lai trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc, và là bước ngoặt thúc đẩy chúng ta phải tìm kiếm các giải pháp triệt để nhằm tăng cường tính tự chủ trong kinh tế, mà một trong số đó là đa dạng hóa các đối tác thương mại.

Đàm phán TPP: càng dài càng dai dẳng 14

TPP-Một cánh cửa để thoát khỏi sự phụ thuộc về kinh tế vào Trung Quốc? 20

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. Nguyễn Thị Thu Trang

Giấy phép xuất bản số
Số 42/GP-XBBT, ngày 9/6/2014

Thiết kế đồ họa
thaidung85@gmail.com

In ấn tại
Công ty TNHH Giải Pháp DeMAC

Tin thế giới



Ấn Độ phản đối thông qua Hiệp định tạo thuận lợi hóa thương mại của WTO

Tại Hội nghị Bộ trưởng Bali tháng 12/2013, các nước thành viên WTO đã tuyên bố kết thúc đàm phán Hiệp định tạo thuận lợi hóa thương mại (gọi tắt là Hiệp định TF) và bắt đầu tiến hành các thủ tục thông qua ở từng nước. Tuy nhiên, đến thời hạn ngày 31/07/2014 vừa qua, Hiệp định này đã không thể được thông qua bởi sự phản đối của Ấn Độ. Theo nhận định của Tổng Giám đốc WTO ông Roberto Azevedo thì đây sẽ là một hệ quả nghiêm trọng đối với tương lai của WTO.

Vậy tại sao Ấn Độ lại phản đối việc thông qua Hiệp định TF mà được dự đoán là sẽ tạo thêm 1 nghìn tỷ USD và 21 triệu việc làm cho nền kinh tế thế giới?

Nguyên nhân chính của quyết định này liên quan đến một điều khoản trong Gói thỏa thuận Bali về nông nghiệp được thông qua cùng lúc với Hiệp định TF mà theo Ấn Độ là có thể ảnh hưởng tới vấn đề trợ cấp nông nghiệp của nước này.

Cụ thể, điều khoản đó quy định các nước thành viên không được trợ cấp cho nông nghiệp vượt quá 10% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp của mình. Nếu vi phạm có thể sẽ bị các nước thành viên WTO khác kiện và áp dụng các biện pháp trừng phạt thương mại.

Trong khi đó, theo Đạo luật An ninh Lương thực của Ấn Độ, chính phủ nước này sẽ cung cấp lương thực cho các tầng lớp dân cư yếu thế nhất với giá cực kỳ thấp. Thông qua

một hệ thống phân phối công, chính phủ sẽ trợ cấp cho người tiêu dùng, đồng thời cũng trợ cấp cho các nhà sản xuất gạo thông qua hỗ trợ các đầu vào như điện và phân bón. Vì vậy, việc quy định mức trần trợ cấp 10% sẽ khiến Ấn Độ khó có thể làm được điều này. Thêm nữa, mức quy định 10% được tính toán theo mức giá của những năm 1986-1988 khi mà giá lương thực ở mức rất thấp. Do đó, mức này càng khó được chấp nhận bởi Ấn Độ.

Ngoài việc bị hạn chế về mức trợ cấp ra, việc chấp thuận Hiệp định này sẽ buộc Ấn Độ phải cho quốc tế giám sát các loại sản phẩm thuộc diện dự trữ lương thực của nước này. Và như vậy Ấn Độ có thể gặp khó khăn khi bổ sung thêm các loại

hạt khác vào diện này (ví dụ các loại hạt giàu protein như đậu lăng).

Ấn Độ cũng cho rằng những quy định như vậy là bất công đối với các nước đang phát triển khi phải đảm bảo cuộc sống cho một bộ phận lớn dân cư nghèo, trong khi các nước phát triển như Mỹ hàng năm vẫn trợ cấp hàng 20 tỷ USD cho nông nghiệp.

Vì vậy, tại cuộc họp Đại Hội đồng WTO ngày 25/7/2014, Ấn Độ đã yêu cầu trì hoãn việc thông qua Hiệp định TF cho đến khi một giải pháp cuối cùng về an ninh lương thực được đưa ra vào cuối năm nay, tức là khoảng 3 năm trước thời hạn thông qua tại Hội nghị Bộ trưởng tại Bali năm 2017.

Yêu cầu này của Ấn Độ đã gặp phải sự phản đối của các thành viên chủ chốt WTO như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nga và Brazil. Chỉ có một vài

nước tỏ ra thông cảm với Ấn Độ là Cuba, Venezuela, Bolivia, Nam Phi và Zimbabwe.

Theo một số nguồn tin, một vài nước thậm chí còn tính đến giải pháp loại trừ Ấn Độ ra khỏi Hiệp định này. Tuy nhiên, trả lời phỏng vấn báo Reuter, Bộ Trưởng Thương mại New Zealand, ông Tim Groser đã nói rằng “Ấn Độ là nước đứng thứ 2 thế giới về dân số, một thành phần không thể thiếu của kinh tế thế giới và đang ngày càng trở nên quan trọng. Ý tưởng loại bỏ Ấn Độ ra khỏi Hiệp định thật là điên rồ”

Còn theo ông Anwarul Hoda, nguyên Phó tổng giám đốc WTO, thì mặc dù hành động của Ấn Độ trong việc từ chối thông qua Hiệp định TF vào thời hạn ngày 31/7 là không có gì sai về mặt pháp lý nhưng việc này có ảnh hưởng tiêu cực về chính trị:

“Nếu chúng ta không nhanh chóng kết thúc gói Bali, Hoa Kỳ sẽ từ bỏ các đàm phán đa phương ở WTO và tập trung sang các đàm phán khu vực như Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định Đối tác Xuyên Đại Tây Dương (TTIP). Và điều này chắc hẳn không phải mong muốn của Ấn Độ”.

Không rõ là rồi việc thông qua Hiệp định TF sẽ đi đến đâu nhưng việc lỡ thời hạn 31/7 vừa qua rõ ràng đã làm nhụt chí các nhà đàm phán thương mại trên thế giới trong việc tìm kiếm một tiếng nói chung tại bàn đàm phán đa phương của WTO. Điều này càng báo hiệu trong thời gian tới các hiệp định song phương sẽ lại tiếp tục được tính đến như một giải pháp tối ưu hơn cho các nước đạt được các thỏa thuận mà mình mong muốn. ■



Tin thế giới



Vòng đàm phán thứ sáu Hiệp định Đối tác Thương mại và Đầu tư Xuyên Đại Tây Dương (TTIP) giữa Hoa Kỳ và EU đã diễn ra từ ngày 14 đến 18/07/2014 tại Brussel (Bỉ). Tại đây, hai bên tiếp tục thảo luận về các vấn đề như thương mại hàng hóa và dịch vụ, các vấn đề pháp lý, mua sắm công, bảo vệ môi trường và quyền lao động, năng lượng và nguyên liệu, và cơ hội cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tuy nhiên, giới thạo tin cho biết do EU và Hoa Kỳ còn bất đồng lớn trong nhiều lĩnh vực, vòng đàm phán lần này cũng không có nhiều tiến triển.

Mở cửa thị trường hàng hóa là vấn đề mà ban đầu được dự đoán sẽ là phần dễ dàng nhất trong đàm phán TTIP, bởi cả Hoa Kỳ và EU đều đang áp thuế rất thấp đối với đa số hàng hóa, ngoại trừ một số sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nhạy cảm. Tuy nhiên, diễn biến sáu vòng đàm phán đã qua lại cho thấy đây là chủ đề phức tạp và gây nhiều tranh cãi.

Bởi vì, EU muốn duy trì bảo hộ đối với một số sản phẩm nông nghiệp nhạy cảm như thịt gia cầm, thịt bò, thịt lợn...nhưng bằng các hình thức khác nhau chứ không chỉ là thuế quan hay hạn ngạch thuế quan. Trong khi đó, Hoa Kỳ lại đặt mục tiêu hàng đầu là tăng cường tiếp cận thị

trường cho hàng nông sản của nước này trong cả TTIP và Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Và mặc dù trong tuyên bố, Hoa Kỳ có vẻ mong muốn mở cửa thị trường mạnh mẽ hơn EU (mở cửa 100%), nhưng trên thực tế, bản chào thuế quan đầu tiên của Hoa Kỳ lại kém tham vọng hơn so với EU - Cao ủy Thương mại của EU Karel De Gucht đã phàn nàn về điều này trong một cuộc họp báo hồi tháng 2. Theo một số nguồn tin, bản chào đầu tiên của Hoa Kỳ chỉ đưa ra mức xóa bỏ thuế quan cho 80 % hàng hóa trong khi con số này của EU là 96%. Vì vậy, ông De Gucht đã từ chối bản chào đầu tiên của Hoa Kỳ, yêu cầu nước này phải đưa ra bản chào mới tham vọng hơn.

Tuy nhiên, cho đến nay Hoa Kỳ vẫn chưa có động tĩnh gì về vấn đề này. Trong một cuộc họp báo mới đây, Trưởng đoàn đàm phán TTIP của Hoa Kỳ, ông Daniel Mullaney, dù không trực tiếp, đã ám chỉ rằng Hoa Kỳ sẽ chỉ đưa ra bản chào thuế quan sửa đổi của mình khi EU đưa ra bản chào thứ 2 của họ.

Về vấn đề **giải quyết tranh chấp Nhà nước - Nhà nước**, theo Trưởng đoàn đàm phán TTIP của EU, ông Ignacio Garcia Bercero, hai bên đã cùng thảo luận về các bản đề xuất của mỗi bên và đang nỗ lực làm việc để

thu hẹp khoảng cách trong phương pháp tiếp cận vấn đề.

Về vấn đề **vệ sinh dịch tễ (SPS)**, ông Garcia Bercero cho biết hai bên đã có những tranh luận sâu và đang cố gắng đưa ra các đề xuất của mỗi bên trong vòng đàm phán tới - EU đã dự định đưa ra bản thảo SPS trong vòng thứ 6 này nhưng cuối cùng lại rút lại. Đề xuất SPS của EU dự kiến sẽ xây dựng các hướng dẫn cụ thể để cả hai bên có thể quyết định được các tiêu chuẩn "tương đương" trong các hệ thống vệ sinh an toàn thực phẩm của mỗi bên, và đảm bảo rằng các quyết định đó áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên EU.

Còn đối với lĩnh vực **năng lượng**, các cuộc thảo luận thay vì tập trung vào các yêu cầu chính của EU đối với Hoa Kỳ trong việc đồng ý rút lại các hạn chế đối với xuất khẩu khí gas và dầu tự nhiên, mà lại chủ yếu bàn về các quy tắc và luật lệ mà hai bên sẽ phải áp dụng để giảm rủi ro khi vận chuyển các loại khí này ngoài khơi như vụ tràn dầu Deepwater Horizon hồi năm 2010.

Một vấn đề khác gây nhiều tranh cãi giữa hai bên nhưng không được thảo luận tại vòng đàm phán lần này đó là vấn đề **giải quyết tranh chấp Nhà nước - nhà đầu tư** bởi EU vừa mới kết thúc quá trình tham vấn nội khối về phương pháp tiếp cận vấn đề này trong TTIP. Theo thông tin từ ông Garcia Bercero thì có tới hơn 150.000 bình luận đã được gửi tới Ủy ban châu Âu và kết quả của cuộc tham vấn này sẽ sớm được công bố. Tuy nhiên, Ủy ban sẽ chưa thể ban hành báo cáo phân tích về vấn đề này trước tháng 11 tới.

Vòng đàm phán thứ 7 TTIP dự kiến được tổ chức từ ngày 29/9/2014 đến ngày 3/10/2014 tại Washington, Hoa Kỳ. Đây có thể là vòng đàm phán cuối cùng trước khi kết thúc nhiệm kỳ hiện tại của Ủy ban châu Âu vào ngày 30/10 và các cuộc bầu cử giữa kỳ của Hoa Kỳ vào ngày 4/10 tới. ■

Hoa Kỳ, EU bất đồng về bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong TTIP

Một trong những vấn đề khó khăn nhất trong đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Đại Tây Dương (TTIP) giữa Hoa Kỳ và EU là vấn đề Chỉ dẫn địa lý (GI) bởi hai bên có cơ chế và quan điểm bảo hộ chỉ dẫn địa lý tương đối khác nhau.

Trong một phiên điều trần trước Tiểu ban thương mại của Ủy ban Tài chính và Thuế vụ Hoa Kỳ, Phó Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Michael Punke đã cho biết vấn đề Chỉ dẫn địa lý hiện đang là một vấn đề “khó khăn lớn” giữa Hoa Kỳ và EU bởi quan điểm “rất khác biệt” giữa hai bên.

Ông Punke nhấn mạnh rằng “Hoa Kỳ sẽ không bỏ hệ thống chỉ dẫn địa lý của EU về Hoa Kỳ” thông qua TTIP, đồng thời sẽ tiếp tục “thúc ép mạnh mẽ EU mở cửa thị trường cho các sản phẩm nông sản của Hoa Kỳ đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở EU”

Trước đó, trong một cuộc trả lời báo giới sau cuộc gặp với các Bộ trưởng Nông nghiệp của các nước EU tại Luxembourg ngày 16/06/2014, Bộ trưởng Nông nghiệp Hoa Kỳ, ông Tom Vilsack, cũng cho biết EU đang yêu cầu Hoa Kỳ chấp nhận bảo hộ GI cho một số nhãn hiệu sản phẩm mà Hoa Kỳ cho là tên gọi thông thường như “phomat feta”, và điều này không phù hợp với hệ thống bảo hộ nhãn hiệu của Hoa Kỳ. Ông Vilsack khẳng định Hoa Kỳ sẽ không chấp nhận các yêu cầu này của phía EU, nhưng sẽ vẫn sẵn lòng tìm một giải pháp thông qua đối thoại song phương để bảo vệ cho các nhãn hiệu tên tuổi đó.



Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất cho các sản phẩm GI của EU, chiếm đến 30% trong tổng kim ngạch nhập khẩu thực phẩm và đồ uống của Hoa Kỳ từ EU. Tuy nhiên, các sản phẩm GI của EU chỉ tập trung ở một số ít mặt hàng là: rượu sâm-panh và cô-nhắc của Pháp, rượu wit-ky từ Scotland của Anh, và phô-mai Grana Padano và Parmigiano Reggiano của Italia.

Điểm khác biệt giữa hệ thống bảo hộ GI của Hoa Kỳ và EU



Hoa Kỳ cũng ghi nhận và bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhưng phương pháp tiếp cận khác với của EU. Hoa Kỳ bảo hộ GI thông qua cơ chế nhãn hiệu, theo đó GI có thể được bảo hộ như là nhãn hiệu thương mại, nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận mà nguyên tắc cơ bản là “ai đăng ký trước thì được trước”. Trong khi đó GI của EU lại đi theo hướng riêng, coi GI là một hình thức bảo hộ đặc thù, gắn với các đặc điểm địa lý và cộng đồng cụ thể, không phải nhãn hiệu của riêng ai và tất nhiên không phải “ai đăng ký trước thì được trước”.

Sự khác biệt này thì đã tồn tại từ lâu. Trong đàm phán TTIP, mâu thuẫn chính giữa Hoa Kỳ và EU nằm ở chỗ khác: các tên gọi thông

dụng (generic). Hoa Kỳ thì cho rằng EU bảo hộ GI cho nhiều tên gọi sản phẩm thông thường, được sử dụng rộng rãi và người tiêu dùng đã coi đó là tên gọi đại diện cho một nhóm tất cả các hàng hóa và dịch vụ cùng loại. Còn EU thì cho rằng các tên gọi liên quan xuất phát từ một khu vực địa lý cụ thể của EU và phải được xem là GI chứ không phải tên gọi thông dụng của sản phẩm. Câu chuyện này có nguồn gốc từ một thời rất xa xưa trong quá khứ, khi những người di cư từ châu Âu sang Hoa Kỳ đã đem theo những cái tên sản phẩm từ châu Âu và sử dụng để quảng bá cho những sản phẩm của riêng họ trên đất Hoa Kỳ. Vì vậy, nhiều tên gọi sản phẩm được đăng ký GI ở châu Âu nhưng ở Hoa Kỳ nó chỉ là các danh từ chung chỉ một loại sản phẩm nào đó.

Mục tiêu bảo hộ GI của EU trong các FTA

Các quy định bảo hộ GI trong pháp luật của EU cao hơn so với WTO. Trong vòng đàm phán Doha, EU cũng đã đặt vấn đề bảo hộ cao hơn đối với rượu nhưng đã bị các thành viên WTO, trong đó có Hoa Kỳ, phản đối mạnh mẽ.

Không đạt được mục tiêu từ vòng đàm phán đa phương, EU xem các FTA song phương là cơ hội để thỏa mãn nhu cầu nâng cao bảo hộ GI cho các sản phẩm nông sản và thực phẩm của mình. Điều này thể hiện rất rõ trong các FTA mà EU đã ký, đặc biệt là các FTA gần đây với Hàn Quốc (đã ký), và

Tin thế giới

Canada (đã hoàn thành đàm phán, chưa thông qua).

Trong đàm phán FTA giữa EU và Canada, GI là một trong những vấn đề nhiều tranh cãi nhất. Cuối cùng, Canada cũng phải đồng ý với EU hạn chế sử dụng tên 5 loại sản phẩm phô mát mà vốn được cho là tên phổ biến ở Bắc Mỹ là asiago, gorgonzola, feta, fontina, munster. Mặc dù FTA này vẫn chưa được hai bên thông qua, nhưng Hoa Kỳ thậm chí đã phản ứng mạnh đối với những cam kết về GI trong FTA này, cho rằng chúng “không thể chấp nhận được” trong trường hợp của Hoa Kỳ như theo lời của ông Tom Vilsack.



Ông Vilsack cũng cảnh báo nếu không đạt được những điều khoản về nông nghiệp “có ý nghĩa” cho các nhà sản xuất của nước này thì TTIP dù có đàm phán xong cũng khó có thể được thông qua bởi

quốc hội nước này.

Còn phía EU cũng lập luận rằng họ phải có được sự đồng thuận của cả 28 nước thành viên nếu muốn thông qua TTIP, và do đó không thể không đạt được những cam kết bảo hộ GI đối với một số sản phẩm nông nghiệp quan trọng mà một số thành viên mong muốn.

Và nếu hai bên vẫn tiếp tục cương quyết với những mục tiêu đó của mình, thì chắc chắn rằng vấn đề GI sẽ tiếp tục là một nút thắt cản trở tiến trình đàm phán TTIP – một trong những đàm phán thương mại lớn nhất hành tinh hiện nay. ■

Hàn Quốc và Australia ký tắt FTA song phương

Ngày 10/02/2014, tại Canberra, Australia và Hàn Quốc đã tiến hành lễ ký tắt Hiệp định thương mại tự do (FTA) Australia – Hàn Quốc sau hơn 4 năm đàm phán bắt đầu từ tháng 5/2009 và kết thúc vào tháng 12/2013.

Đây là một FTA tương đối toàn diện với 23 chương, trong đó bao gồm các vấn đề chủ chốt như hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, truyền thông, mua sắm chính phủ, sở hữu trí tuệ, rào cản kỹ thuật đối với thương mại, vệ sinh dịch tễ...

Về hàng hóa, Hàn Quốc cam kết sẽ dỡ bỏ thuế quan cho 84 % giá trị hàng hóa xuất khẩu của Australia sang Hàn Quốc ngay khi hiệp định có hiệu lực và 90,8% trong vòng 8 năm. Đặc biệt, Hàn Quốc đồng ý dỡ bỏ các mức thuế quan đặc biệt cao (một vài trường hợp lên tới hơn 550%) hiện đang đánh vào một số mã hàng trong các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Australia như thịt bò, đường, sữa, bột mì, rượu, sản phẩm vườn và hải sản.

Đối lại, Australia sẽ xóa bỏ thuế quan cho gần như toàn bộ các sản phẩm của Hàn Quốc trong vòng 5 năm sau khi hiệp định có hiệu lực. Trong đó, Australia sẽ dỡ bỏ ngay lập tức mức thuế quan hiện hành 5% cho 20 loại sản phẩm xe hơi - chiếm 76,6% giá trị xe hơi xuất khẩu của Hàn Quốc sang Australia. Đây là FTA đầu tiên Hàn Quốc ký với một nước mà thuế quan đối với sản phẩm xe hơi được cắt bỏ ngay lập tức. Điều này sẽ đem lại lợi thế cạnh tranh lớn cho các nhà sản xuất xe hơi của Hàn Quốc để thâm nhập một thị trường rộng lớn nơi các hãng xe hơi của Nhật Bản đang chiếm vị thế độc quyền.

Về dịch vụ, hai bên cũng đạt được những cam kết mở cửa cao cho hầu hết các lĩnh vực từ dịch vụ pháp lý, kiểm toán, tài chính, kỹ sư, truyền thông, giáo dục, môi trường đến phim ảnh, truyền hình.

Đặc biệt, trong cam kết **về đầu tư**, hai bên đã thống nhất áp dụng

cơ chế giải quyết tranh chấp nhà nước – nhà đầu tư (ISDS) cho phép nhà đầu tư nước ngoài được kiện nước nhận đầu tư ra một cơ chế trọng tài tư. Là nước tiếp nhận nhiều đầu tư nước ngoài, Australia ban đầu đã phản đối cơ chế này. Tuy nhiên, Hàn Quốc lại kiên quyết yêu cầu đưa vào để bảo vệ các nhà đầu tư của họ hiện đang có đầu tư lớn trong các lĩnh vực năng lượng và khai thác tài nguyên của Australia buộc nước này phải đồng ý.

Tại buổi lễ ký tắt, hai bên cam kết sẽ thúc đẩy quá trình phê chuẩn nội bộ của mỗi nước để hiệp định có thể ký kết chính thức trong 6 tháng đầu năm 2014.

Hàn Quốc hiện là đối tác thương mại lớn thứ tư của Australia còn Australia là đối tác thương mại lớn thứ bảy của Hàn Quốc, nếu hiệp định này có hiệu lực sẽ thúc đẩy quan hệ thương mại song phương giữa hai nước lên một tầm cao mới. ■

Các chuyên gia y tế New Zealand lo ngại cơ chế ISDS trong TPP sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới mục tiêu bảo vệ sức khỏe người dân

Ngày 12/5/2014, 5 tổ chức đại diện cho hơn 300 chuyên gia y tế của New Zealand đã gửi Tuyên bố chung cảnh báo Thủ tướng New Zealand John Key về những nguy cơ của cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước-nhà đầu tư (ISDS) đang được đàm phán trong Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP). Theo các tổ chức này, cơ chế ISDS có thể ảnh hưởng tới các quyền và nghĩa vụ của Chính phủ New Zealand trong việc bảo vệ sức khỏe người dân. Cụ thể, nó có thể ảnh hưởng tới quyền ban hành các quy định quản lý thuốc lá, rượu, nhiên liệu và dược phẩm.

Quan ngại của các tổ chức này xuất phát từ bản dự thảo chương Đầu tư TPP bị tiết lộ hồi tháng 6/2012, và các chương tương tự trong các FTA đã ký của Hoa Kỳ mà bao gồm các quy định về ISDS. Theo các tổ chức này, New Zealand đã từng cam kết về nghĩa vụ ISDS trong một số FTA khác nhưng TPP có số lượng thành viên lớn và phạm vi quy định rộng hơn rất nhiều. Đó là lý do vì sao ngay từ đầu Australia đã tuyên bố rõ ràng không chấp nhận cơ chế này và cho đến nay vẫn chưa thay đổi quan điểm.

Do đó, Tuyên bố chung đã đưa ra những lập luận và minh họa rõ ràng về các nguy cơ của cơ chế này. **Về các sản phẩm có hại cho sức khỏe**, Tuyên bố chung cho rằng cơ chế ISDS sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới các quy định pháp lý kiểm soát việc buôn bán và quảng bá rượu và thuốc lá của Chính phủ New Zealand. Một ví dụ điển hình đó là việc Chính phủ Australia đã



từng bị hãng sản xuất thuốc lá Philip Morris kiện về các quy định liên quan đến bao nhãn thuốc lá.

Đối với nhiên liệu, ISDS có thể hạn chế khả năng Chính phủ New Zealand tăng cường quản lý đối với các hoạt động khai thác nhiên liệu hóa thạch của các công ty nước ngoài mà có thể gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân. Chẳng hạn theo một báo cáo của Ủy viên nghị viện về Môi trường của New Zealand thì việc khai thác khí gas (hydraulic fracturing) chỉ có thể an toàn nếu được đưa vào quy định trong luật, chứ không thể bằng hình thức khuyến khích thực tiễn tốt như hiện nay. Nhưng việc đưa vào luật các quy định như thế này rất có thể dẫn tới các vụ kiện theo cơ chế ISDS của các nhà đầu tư nước ngoài. Tuyên bố lấy dẫn chứng ngày càng có nhiều vụ các công ty nhiên liệu nước ngoài kiện các chính phủ nước nhận đầu tư theo cơ chế giải quyết tranh chấp ISDS quy định trong Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA).

Còn đối với dược phẩm, ISDS đe dọa hạn chế Chính phủ New Zealand trong việc kiểm soát các hoạt động mua bán và quảng bá

thuốc của các công ty đa quốc gia. Điều này đặc biệt nguy hiểm đối với các loại thuốc kháng sinh nếu được quảng cáo trực tiếp và bán tự do cho khách hàng sử dụng không đúng cách có thể gây tình trạng kháng thuốc ngày càng gia tăng và đã được cảnh báo bởi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Ngoài ra, các công ty dược cũng có thể sử dụng cơ chế ISDS để đòi bồi thường cho những thiệt hại gây ra bởi các quy định/luật mới của chính phủ. Chẳng hạn như vụ kiện mới đây của công ty Eli Lilly đòi chính phủ Canada bồi thường 500 triệu Đô la Mỹ cho một phán quyết về sáng chế của Tòa Liên bang Canada.

Do đó, Tuyên bố chung của 5 tổ chức đã yêu cầu Chính phủ New Zealand phải có lập trường kiên định về vấn đề này để đảm bảo sức khỏe của người dân. Đồng thời, các tổ chức này cũng kêu gọi Chính phủ công bố nội dung đàm phán và lấy ý kiến cộng đồng trước khi đưa ra bất kỳ một “nhượng bộ không thể thay đổi” nào. Ngoài ra, theo họ cần phải có một nghiên cứu đánh giá độc lập về tác động của TPP không chỉ đến thương mại mà còn cả đến sức khỏe của người dân New Zealand. ■



Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của Liên minh châu Âu

Hiện tại, Việt Nam đang tham gia đàm phán rất nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà trong đó yêu cầu áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Theo cơ chế này, trách nhiệm chứng nhận nguồn gốc của hàng hóa sẽ chuyển từ các cơ quan chuyên trách sang doanh nghiệp (hoặc nhà nhập khẩu). Tức là doanh nghiệp (hoặc nhà nhập khẩu) sẽ tự thực hiện các thủ tục và đáp ứng điều kiện để tuyên bố hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn về nguồn gốc xuất xứ và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của tuyên bố đó.

Nhằm giới thiệu với các doanh nghiệp về nội dung và cách thức vận dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của các thị trường EU và EFTA, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã phối hợp với Bộ Công thương, Khối EFTA (gồm 4 nước Na Uy, Thụy Sĩ, Ai-xơ-len và Lich-ten-xtanh) tổ

chức hội thảo “Tự chứng nhận xuất xứ” tại Hà Nội ngày 17/6/2014 và Hồ Chí Minh ngày 19/6/2014.

Tại hội thảo, các chuyên gia của Khối EFTA đã cung cấp thông tin về hệ thống tự chứng nhận xuất xứ của các nước EFTA mà cũng tương tự như của EU. Theo đó các nhà xuất khẩu sẽ tự phát hành bằng chứng về xuất xứ, mà cụ thể là khai thông tin về xuất xứ trong các chứng từ thương mại (chẳng hạn như hóa đơn) mà không có sự tham gia của các cơ quan quản lý trong quá trình phát hành.

Hệ thống này đã được sử dụng ở EU hơn 40 năm nay và cho thấy được những ưu điểm của nó như đơn giản hóa quy trình thủ tục, cắt giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời giảm rủi ro cho các cơ quan cấp phép và bớt gánh nặng cho hải quan. Chính vì vậy, trong các FTA mà EU đã ký hoặc đang đàm phán, đều yêu cầu phía

đối tác áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ. Thậm chí, EU cũng đang xem xét áp dụng cơ chế này trong Hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP).

Tuy nhiên, không phải nhà xuất khẩu nào cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ mà phải được cấp phép bởi một cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (thường là hải quan). Quy trình thông thường bao gồm 4 bước: i) Nhà xuất khẩu nộp hồ sơ xin cấp phép lên cơ quan hải quan, ii) Hải quan kiểm tra hồ sơ nộp, iii) Thẩm tra tại chỗ nếu thấy cần thiết, iv) Quyết định cấp phép hoặc không cấp phép. Thông thường 1 giấy phép tự chứng nhận xuất xứ có thời hạn 5 năm nếu nhà xuất khẩu không có vi phạm gì.

Một số doanh nghiệp Việt Nam bày tỏ quan ngại hệ thống tự chứng nhận xuất xứ có thể tạo ra nhiều trường hợp gian lận hơn so với hệ thống cấp phép truyền thống thông qua cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên các chuyên gia của EFTA đã khẳng định rằng tỷ lệ gian lận theo như theo dõi và đánh giá của khối này là không có khác biệt nhiều giữa hệ thống mới và cũ. Đó là bởi vì theo hệ thống mới này, cơ quan hải quan có thể tiến hành kiểm tra trực tiếp nhà xuất khẩu bất kỳ lúc nào nếu có nghi ngờ về sai phạm nhằm hạn chế các hành vi gian lận.

Nói chung, mặc dù là mới ở Việt Nam, hệ thống tự chứng nhận xuất xứ hiện nay đã trở nên khá phổ biến trên thế giới. Cùng với việc một loạt các FTA mà Việt Nam đang tham gia đàm phán với các đối tác đều sử dụng cơ chế này, thì khả năng lớn là nó sẽ được áp dụng tại Việt Nam trong tương lai. Vì vậy, ngay từ bây giờ các doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu về cơ chế tự chứng nhận xuất xứ để có những sự chuẩn bị cần thiết cho việc tận dụng các FTA này một khi được ký kết. ■

Cơ hội xuất khẩu cho nông sản Việt Nam thông qua bảo hộ chỉ dẫn địa lý ở EU

Chi dẫn địa lý (GI) là một chế định pháp luật quan trọng để bảo vệ lợi ích của các cộng đồng dân cư có những sản phẩm mà thế mạnh gắn liền với các khu vực với các đặc điểm địa lý đặc thù. Theo thống kê chưa đầy đủ thì ở Việt Nam có khoảng trên 1.000 sản phẩm nông nghiệp tiềm năng có thể là đối tượng được bảo hộ GI. Mặc dù vậy, vì nhiều lý do, cho tới nay chỉ có khoảng trên 30 sản phẩm nông nghiệp được bảo hộ GI chính thức. Vì vậy, nhiều người kỳ vọng vào các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đang tham gia để gia tăng số lượng các sản phẩm được đăng ký bảo hộ GI, tăng cường tên tuổi và giá trị của các sản vật nổi tiếng của chúng ta.

Một trong những hiệp định được kỳ vọng nhất đó là FTA với EU – một khu vực thị trường rộng lớn cho nông sản của Việt Nam mà hiện nay các quy định về đăng ký và bảo hộ chỉ dẫn địa lý vẫn tương

đối phức tạp và khó đáp ứng. Cho tới thời điểm hiện tại, Việt Nam chỉ có duy nhất một sản phẩm được đăng ký GI tại EU là nước mắm Phú Quốc. Đây là một điều thiệt thòi cho Việt Nam bởi khác với bảo hộ bằng nhãn hiệu, bảo hộ bằng GI cho phép rất nhiều chủ thể trong cùng một khu vực địa lý được hưởng lợi từ GI này. Thêm nữa, bảo hộ GI là bảo hộ vô thời hạn, không phải nộp đơn xin lại nhiều lần, nên tiết kiệm được thời gian và chi phí đăng ký.

Quy định về bảo hộ GI được EU lần đầu tiên đưa ra vào năm 1992, tuy nhiên trong khi WTO không giới hạn bảo hộ GI cho bất kỳ sản phẩm nào thì EU lại chỉ áp dụng loại hình này cho nông sản và thực phẩm. Quy định về GI năm 1992 của EU cũng yêu cầu chỉ các chủ sở hữu GI của EU được phép nộp đơn đăng ký trực tiếp lên Ủy ban châu Âu, còn các chủ sở hữu GI của nước ngoài phải thông qua chính quyền

nước đó xem xét, tiến hành các thủ tục chờ phản đối của các đối tượng liên quan rồi mới được chuyển cho Ủy ban châu Âu. Quy định này đã bị Mỹ kiện lên WTO năm 1999 vì nó phân biệt đối xử với các chỉ dẫn địa lý của nước ngoài. Kết quả là đến năm 2006, EU đã phải sửa đổi pháp luật về GI của mình, cho phép mọi chủ đơn GI nước ngoài có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban châu Âu hoặc thông qua các cơ quan thẩm quyền của nước mình.

Để được đăng ký GI ở EU, một sản phẩm ở nước ngoài phải đã được đăng ký GI ở nước đó. Chủ đơn đăng ký có thể là một nhóm các nhà sản xuất và/hoặc chế biến liên quan đến cùng một sản phẩm, hoặc một cá nhân hoặc cá nhân được ủy quyền (với những điều kiện nhất định). Nội dung đơn nộp bao gồm nhiều thông tin về sản phẩm, về khu vực địa lý, về phương pháp sản xuất/chế biến và mối liên hệ giữa chất lượng/đặc tính của sản phẩm với môi trường địa lý khu vực...kèm theo những bằng chứng xác thực các thông tin này. Đơn đăng ký được nộp lên cơ quan có thẩm quyền của Ủy ban châu Âu. Cơ quan này có trách nhiệm kiểm tra đơn và sau đó nếu thông qua sẽ đăng lên Công báo chính thức của Ủy ban. Trải qua 6 tháng cho các bên liên quan bình luận, nếu không có phản đối gì thì sẽ được đăng ký GI. Tuy nhiên, trước khi sản phẩm được đưa ra thị trường phải tuân theo các quy trình kiểm soát kỹ thuật chặt chẽ của EU bởi cả các cơ quan công và/hoặc các đơn vị thanh tra/kiểm soát tư.

Mặc dù quy trình thủ tục đăng ký GI ở EU tương đối phức tạp và



Tin Việt Nam

tốn thời gian, nhưng vì quyền lợi lâu dài, các chủ sở hữu GI của Việt Nam nên xem xét việc đăng ký bảo hộ GI ngay từ bây giờ để tránh những trường hợp bị bên khác vi phạm, ăn cắp thương hiệu. Chẳng hạn như vừa qua nhãn hiệu cà phê Buôn Ma Thuột đã bị một số doanh nghiệp của Trung Quốc sử dụng và đăng ký độc quyền tại nước này, nhưng may mắn sau đó đã kiện và đòi lại được. Rút kinh nghiệm từ sự việc này, hiện tại Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột đang gấp rút chuẩn bị hồ sơ để đăng ký bảo hộ GI tại EU. Được biết quá trình này có thể kéo dài đến 4-5 năm, nhưng

một khi đã được bảo hộ GI thì sản phẩm có thể bán với giá cao hơn giá thông thường khoảng 15%.

Ngoài thủ tục đăng ký trực tiếp tại Ủy ban châu Âu, một số ngành hàng cũng đang hi vọng thông qua đàm phán FTA Việt Nam – EU để được đăng ký bảo hộ GI nhanh chóng và dễ dàng hơn. Bởi một mặt, các FTA có thể giúp các nước thu hẹp khoảng cách giữa các hệ thống pháp luật khác nhau của từng nước để tạo thuận lợi hơn cho việc bảo hộ GI cho các sản phẩm của nhau. Mặt khác, rất nhiều FTA bao gồm một danh sách các GI cụ thể để được tự động bảo

hộ tại các nước ký kết. Trong khi đó, chiến lược mới của EU về bảo hộ GIs nước ngoài tại EU và GI EU tại nước ngoài là thông qua các FTA song phương. Chẳng hạn như FTA EU – Hàn Quốc đã bao gồm gần 200 sản phẩm được công nhận bảo hộ GI.

Đây chính là một cơ hội lớn cho Việt Nam khi đàm phán FTA với khu vực này. Điều quan trọng là các nhà sản xuất/nuôi trồng ở Việt Nam có biết cải thiện quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng các tiêu chí được bảo hộ GI của EU hay không mà thôi. ■

Đàm phán FTA Việt Nam-Liên minh Hải quan đẩy nhanh tốc độ, đặt mục tiêu kết thúc cuối năm nay



Vòng đàm phán thứ 6 Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan Nga, Belarus, Kazakhstan đã diễn ra tại Sochi, Nga từ ngày 16-20/06/2014 với 8 Nhóm đàm phán bao gồm: Thương mại hàng hóa; Dịch vụ; Đầu tư và di chuyển thể nhân; Quy tắc xuất xứ; mua sắm chính phủ; Phòng vệ thương mại; Hợp tác về hải quan và thuận

lợi hóa thương mại; Sở hữu trí tuệ và các vấn đề về pháp lý và thể chế. Tại vòng đàm phán lần này, các bên đã kết thúc được thêm phần lời văn của 2 chương là Thương mại hàng hóa và Mua sắm chính phủ, thu hẹp khoảng cách ở các chương Hợp tác về hải quan, Quy tắc xuất xứ và Sở hữu trí tuệ. Các vấn đề phức tạp và kỹ thuật như Quy tắc xuất xứ, Mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và di chuyển thể nhân... tiếp tục đạt tiến triển.

Kết thúc vòng đàm phán, cả hai bên đều thể hiện tinh thần thiện chí, nỗ lực thúc đẩy đàm phán trong thời gian tới để có thể kết thúc vào cuối năm nay.

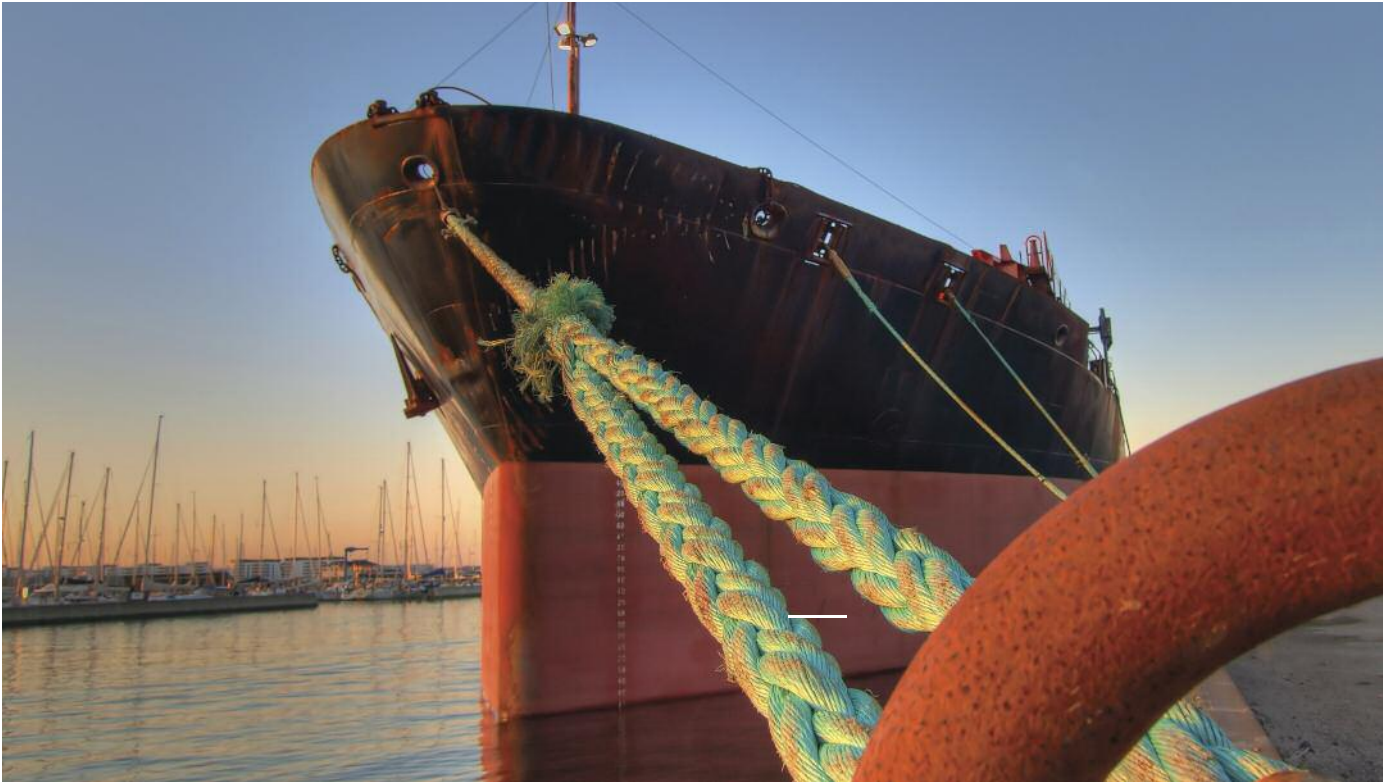
Theo giới chuyên gia nhận định, trong số các FTA mà Việt Nam đang tham gia đàm phán, FTA với Liên minh Hải quan được coi là có khả năng kết thúc vào cuối năm nay cao nhất bởi quyết tâm của cả hai bên cũng như những gì đã đạt được trong đàm phán thời gian qua.

Nếu kết quả đàm phán khả quan, đây sẽ là một trong những FTA tiềm năng nhất đối với Việt Nam bởi khu vực thị trường này từ trước tới nay vẫn tương đối đóng với hàng hóa của chúng ta. Đồng thời, đây cũng gần như là FTA đầu tiên của Liên minh Hải quan – khu vực này đã từng đàm phán FTA với một số nước nhưng không đạt được tiến triển và bị đình trệ hoặc hủy bỏ. Do đó, cơ hội đối với hàng hóa Việt Nam là rất lớn khi được cắt giảm thuế quan vào khu vực thị trường này mà lại không phải cạnh tranh với những đối thủ FTA khác.

Nhưng quan trọng hơn cả là cơ cấu sản phẩm của hai khu vực là tương đối bổ sung cho nhau nên một khi FTA được ký kết chắc chắn sẽ thúc đẩy đáng kể cả kim ngạch xuất và nhập khẩu giữa hai bên.

Vòng đàm phán thứ 7 FTA Việt Nam – Liên minh hải quan dự kiến được tiếp tục tổ chức ở Nga từ ngày 15 - 19/9/2014. ■

FTA Việt Nam – Chile bắt đầu có hiệu lực



Từ ngày 01/01/2014, Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam – Chile sẽ chính thức có hiệu lực, tạo cơ hội lớn cho thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nước.

FTA Việt Nam – Chile được bắt đầu đàm phán từ tháng 10/2008 và kết thúc vào tháng 11/2011. Tuy nhiên, do thủ tục phê chuẩn nội bộ của mỗi nước mất nhiều thời gian nên đến tháng 01/2014 hiệp định mới chính thức có hiệu lực.

Với 14 chương bao gồm 104 Điều và 8 phụ lục, FTA Việt Nam - Chile chỉ đề cập đến khía cạnh hàng hóa, như các quy định về tạo thuận lợi cho tiếp cận thị trường, quy tắc xuất xứ, các biện pháp vệ sinh dịch tễ, kiểm dịch động thực vật, rào cản kỹ thuật, phòng vệ thương mại.....

Theo đó, Việt Nam cam kết xóa bỏ 87,8% số dòng thuế (91,22% kim ngạch nhập khẩu tại thời điểm

2007) cho Chile trong vòng 15 năm. Đổi lại, Chile sẽ xóa bỏ thuế quan cho 99,62% kim ngạch xuất khẩu (ở thời điểm năm 2007) của Việt Nam trong vòng 10 năm, trong đó 81,8% kim ngạch và 83,54% dòng thuế sẽ được xóa bỏ ngay.

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sẽ được cắt giảm thuế ngay và nhanh từ mức 6% hiện tại là dệt may (203 dòng thuế giảm ngay về 0%, 17 dòng thuế giảm 0% sau 5 năm), thủy sản (36 dòng thuế giảm ngay về 0%, 28% dòng thuế giảm 0% sau 5 năm), thủy sản, cà phê, chè, máy tính và linh kiện (giảm thuế về 0% ngay khi hiệp định có hiệu lực)

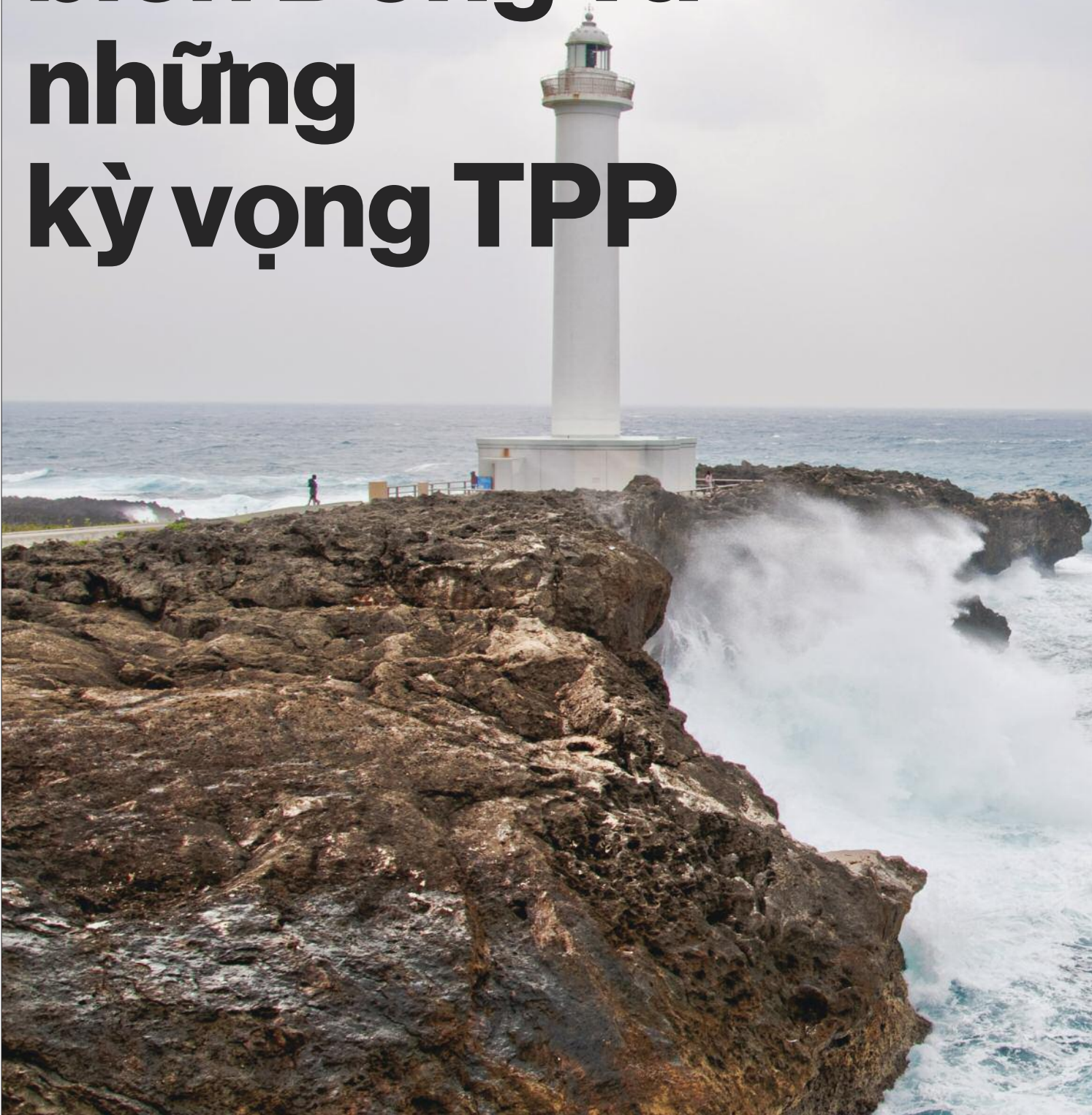
Quy tắc xuất xứ của hiệp định cũng tương đối đơn giản, đa số hàng hóa chỉ cần có tỷ lệ nguyên vật liệu được sản xuất từ các nước thành viên (Việt Nam hoặc Chile)

chiếm từ 40% trở lên hoặc qua chuyển đổi mã HS ở cấp 4 số là được hưởng ưu đãi thuế quan.

Chile là nước Mỹ La tinh đầu tiên Việt Nam ký kết FTA và đây cũng là FTA thứ 8 mà Việt Nam ký kết. Còn Chile hiện đã có tới 25 FTA, mua bán với các nước FTA chiếm tới 90% thương mại của nước này. Việt Nam và Chile hiện cũng đang đàm phán trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương gồm 12 nước.

Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Chile trong 5 năm qua tăng trung bình 26,8%, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Chile tăng trên 41%. Ký kết FTA này ngoài mục đích tăng cường tiếp cận thị trường Chile còn là cơ hội để hàng hóa Việt Nam thâm nhập các thị trường khác trong khu vực Mỹ La tinh rộng lớn. ■

Sự kiện biển Đông và những kỳ vọng TPP



Từ đầu tháng 5/2014, Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương 981 cùng các tàu hộ tống vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam. Ngày 16/7/2014, Trung Quốc đã di chuyển giàn khoan Hải Dương 981 ra khỏi vùng biển của Việt Nam. Chưa rõ ý định và các hành động tiếp theo của Trung Quốc như thế nào. Tuy nhiên, sự việc này gây ra các hệ lụy đang hoặc có thể xảy ra trong tương lai trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc, và là bước ngoặt thúc đẩy chúng ta phải tìm kiếm các giải pháp triệt để nhằm tăng cường tính tự chủ trong kinh tế, mà một trong số đó là đa dạng hóa các đối tác thương mại. Và như một lẽ tất nhiên, người ta đặt sự kỳ vọng nhiều hơn vào các FTA với những đối tác quan trọng mà Chính phủ đang đàm phán. Trong khi các FTA với EU, Nga, Hàn Quốc... đạt những tiến triển đáng kể và rất có khả năng kết thúc trong năm nay, thì đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) – một FTA với cùng lúc 11 đối tác được trông đợi nhất, lại dường như bị chững lại bởi quá nhiều toan tính của mỗi bên.

Trước sự trì trệ của đàm phán TPP, Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama lại một lần nữa đặt mục tiêu kết thúc cơ bản TPP vào tháng 11 này. Tuy nhiên, khác với những lần trước, khi mà người ta hồ hởi kỳ vọng vào những “mục tiêu kết thúc TPP” vào cuối năm, thì sau nhiều lần bỏ lỡ, dư luận lần này không mấy tin vào một “cái kết có hậu” cho TPP trong năm nay.



Chuyên đề



Đàm phán TPP: càng dài càng dai dẳng

Từ sau phiên đàm phán chính thức thứ 19 diễn ra tại Brunei tháng 8/2013, các nước TPP không tổ chức thêm một phiên đàm phán chính thức nào nữa nhưng lại tiến hành rất nhiều cuộc họp cấp bộ trưởng, trưởng đoàn đàm phán và các nhóm đàm phán về từng lĩnh vực cụ thể, dưới cả hình thức đa phương lẫn song phương, để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng.

Các cuộc gặp gần đây nhất có thể kể đến là cuộc họp giữa các trưởng đoàn đàm phán tại Việt Nam từ ngày 12-15/5 làm tiền đề cho cuộc họp cấp bộ trưởng TPP tại Singapore từ ngày 19-20/5, và sau đó là một vòng đàm phán không chính thức tại Ottawa-Canada từ ngày 3-12/7.

Để thúc cho đàm phán đạt tiến triển, Hoa Kỳ còn lên kế hoạch cho các cuộc họp cấp kỹ thuật vào tháng 8, tiếp theo là một cuộc họp cấp trưởng đoàn vào tháng 9, và sau đó là cuộc gặp cấp bộ trưởng vào tháng 10.

Mặc dù lịch trình đàm phán dày đặc và ở đủ các cấp cao thấp, tình hình đàm phán TPP trong thời gian qua nói chung vẫn không có đột phá lớn, vẫn là các vấn đề nhiều tranh cãi nhất được bàn đi bàn lại mà vẫn tắc ở những điểm khó khăn nhất.

Bài viết dưới đây sẽ điểm lại một số diễn tiến nổi bật trong đàm phán TPP thời gian vừa qua.

Kỳ vọng xóa bỏ các thuế quan đã không còn

Khi bắt đầu đàm phán, các nước TPP cam kết hướng tới xóa bỏ 100% các dòng thuế nhập khẩu nhằm đạt được một hiệp định thương mại tự do chất lượng cao. Tuy nhiên, trải qua gần hai chục vòng đàm phán, thực tế cho thấy mục tiêu này rất khó đạt khi mà mỗi nước dường như vẫn muốn giữ lại một số dòng thuế cho riêng mình. Điều này càng thể hiện rõ hơn sau khi TPP có sự tham gia của Nhật Bản – nước kiên quyết không xóa bỏ thuế quan đối với 5 mặt hàng nông nghiệp nhạy cảm nhất.

Trong một sự kiện ngày 19/5/2014, Bộ Trưởng Thương mại New Zealand, ông Tim Groser đã ra tín hiệu rằng chính phủ nước này có thể để mở khả năng một hiệp định TPP cuối cùng không xóa bỏ toàn bộ thuế quan đối với các sản phẩm nông nghiệp mà vẫn giữ lại một số dòng thuế, miễn sao vẫn đảm bảo một kết quả tổng thể cuối cùng “có chất lượng cao”.

Còn trên trang web Đại diện Thương mại Hoa Kỳ (USTR) mới đây cũng đăng **Bản tóm tắt về các mục tiêu của Hoa Kỳ trong TPP**, trong đó không kêu gọi xóa bỏ toàn bộ thuế quan như trước kia mà chỉ mong muốn đạt được “xóa bỏ thuế quan và mở cửa thị trường đáng kể cho hàng hóa xuất khẩu của Hoa Kỳ”.

Trước đó, trong chuyến thăm Nhật Bản hồi cuối tháng 4, Tổng thống Mỹ Barack Obama cũng đã thể hiện một thông điệp cá nhân rằng Hoa Kỳ đã từ bỏ yêu cầu Nhật Bản phải xóa bỏ toàn bộ thuế quan cho thịt bò và thịt lợn nhập khẩu trong TPP.

Nhật Bản có thể chỉ dành nhượng bộ cho riêng Hoa Kỳ

Từ khi chính thức tham gia TPP vào tháng 7/2013, Nhật Bản chủ yếu tập trung đàm phán tiếp cận thị

trường hàng hóa với Hoa Kỳ, nhưng cho đến giờ vẫn chưa đạt được nhiều tiến triển. Mâu thuẫn chủ yếu xoay quanh việc *Nhật Bản không muốn mở cửa thị trường 5 sản phẩm nông sản nhạy cảm là thịt, sữa, đường, gạo và lúa mì cho Hoa Kỳ*, và vì thế, *Hoa Kỳ cũng từ chối xóa bỏ thuế quan cho ô tô của nước này*.

Bế tắc trong đàm phán song phương giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ cũng làm chậm lại tiến trình đàm phán mở cửa thị trường hàng hóa nói chung. Dường như các nước còn lại đều đang chờ đợi kết quả từ cuộc đàm phán song phương giữa hai nước này để đưa ra bản chào cuối cùng của mình. Bởi một mặt, nếu Nhật Bản chỉ dành quyền ưu tiên cho Hoa Kỳ mà không cho các nước khác, thì các nước này cũng chẳng phải rộng rãi gì với Nhật Bản. Mặt khác, nếu Nhật Bản có quyền giữ lại một số sản phẩm nông nghiệp nhạy cảm, thì các nước khác cũng sẽ đòi hỏi điều tương tự.

Trong một cuộc phỏng vấn ngày 30/5/2014, Phó trưởng đoàn đàm phán TPP của Nhật Bản, ông Hiroshi Oe đã tuyên bố rằng Nhật Bản sẽ không nhất thiết phải dành những nhượng bộ của họ cho các nước khác giống như cho Hoa Kỳ trong việc mở cửa thị trường hàng nông sản của nước này. Tuyên bố trên được đưa ra sau khi một số thành viên TPP khác như *Australia* và *New Zealand* bày tỏ hy vọng rằng *Nhật Bản* sẽ dành những ưu đãi về tiếp cận thị trường cho các nước này tương tự như Hoa Kỳ.

Đó là, bên lề Hội nghị Bộ trưởng TPP vừa diễn ra tại Singapore tháng trước, Bộ Trưởng Thương mại Australia Andrew Robb đã tự tin tuyên bố rằng họ có “*thỏa thuận với Nhật Bản*” để buộc nước này phải dành những ưu đãi cho họ tương tự như Hoa Kỳ.

Còn Bộ trưởng Thương mại New Zealand Tim Groser thì nhấn mạnh:

bất kỳ cam kết nào của Nhật Bản với Hoa Kỳ phải được thiết kế sao cho các nước TPP khác cũng phải được lợi tương tự.

Theo một phái viên thương mại nông sản đặc biệt của New Zealand thì vấn đề mở cửa thị trường hàng hóa của Nhật Bản sẽ là một điểm “*mấu chốt*” cho toàn bộ đàm phán TPP.

Đàm phán về dệt may đạt tiến triển

Liên quan tới quy tắc xuất xứ trong dệt may, đàm phán thời gian qua được cho là có tiến triển liên quan tới danh mục nguồn cung thiếu hụt – hình thức ngoại lệ của nguyên tắc “*từ sợi trở đi*”.

Phát biểu bên lề Hội nghị Bộ trưởng TPP tại Singapore ngày 20/5/2014, Bộ trưởng Kinh tế Mexico Ildefonso Guajardo đã nói rằng Mexico, Hoa Kỳ và Việt Nam đang tiến gần hơn đến một thỏa thuận về dệt may trong TPP. Mặc dù không giải thích rõ ràng, nhưng những bình luận của ông Guarjardo cho thấy Mexico đang tiến gần hơn với Hoa Kỳ và Việt Nam trong việc lựa chọn sản phẩm nào sẽ được đưa và danh sách “*nguồn cung thiếu hụt*” thường xuyên hay tạm thời.



DANH MỤC THƯỜNG XUYÊN - PERMANENT: bao gồm các nguyên liệu dệt may hiện không được sản xuất trong TPP và cũng không hy vọng được sản xuất trong tương lai. Do đó, các sản phẩm dệt may sử dụng nguyên liệu trong danh mục này sẽ luôn được áp dụng quy tắc “*cắt và may*”

DANH MỤC TẠM THỜI - TEMPORARY: bao gồm các nguyên liệu hiện không được sản xuất trong TPP nhưng có thể sẽ được sản xuất trong tương lai, và vì thế các sản phẩm dệt may sử dụng nguyên liệu trong danh mục này sẽ chỉ được áp dụng quy tắc “*cắt và may*” trong một khoảng thời gian (khoảng 3 năm).

Chuyên đề

Theo các nguồn tin, Hoa Kỳ và Việt Nam mong muốn đưa nhiều nguyên liệu vào danh mục nguồn cung thường xuyên nhưng Mexico chỉ muốn đưa các nguyên liệu này vào danh mục nguồn cung tạm thời với hy vọng rằng ngành dệt may của nước này sẽ sản xuất được các nguyên liệu đó trong tương lai.

Cũng trong ngày 20/5, Đại diện Thương mại Hoa Kỳ Michael Froman đã phát biểu rằng đàm phán về dệt may đang đạt tiến triển. *“Tôi cho rằng dệt may là vấn đề mà chúng tôi vừa đạt được tiến bộ đáng kể dựa trên quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” và “danh mục nguồn cung thiếu hụt”. Hiện tại chúng tôi đang cùng làm việc để giải quyết các vấn đề chi tiết còn lại”*

Tuy nhiên, dù Hoa Kỳ, Mexico và Việt Nam đạt được thỏa thuận về danh mục nguồn cung thiếu hụt, một số nguồn tin vẫn đặt câu hỏi liệu Việt Nam có chấp nhận một hiệp định mà tất cả các sản phẩm dệt may đều phải tuân theo quy tắc xuất xứ “từ sợi trở đi” với chỉ một ngoại lệ là danh mục “nguồn cung thiếu hụt”. Theo một nguồn tin, Việt

Nam cũng vừa yêu cầu đưa vào một danh sách các sản phẩm mà được áp dụng quy tắc xuất xứ “cắt và may” ngoài “danh mục nguồn cung thiếu hụt”, nhưng Hoa Kỳ đã từ chối yêu cầu này.

Liên quan tới phạm vi mở cửa thị trường đối với dệt may, tin tức cho biết song song với đàm phán về quy tắc xuất xứ, Hoa Kỳ cũng đang tiến hành đàm phán với Việt Nam về mở cửa thị trường cho mặt hàng này.

Các nguồn thạo tin cho biết thay vì quan điểm loại bỏ thuế 100% hàng dệt may và chỉ thắt lại ở quy tắc xuất xứ, tháng 3 vừa rồi Hoa Kỳ đã đưa ra bản chào thuế quan mới đối với hàng dệt may của Việt Nam với các lộ trình mở cửa khác nhau, trong đó *bảo hộ hầu hết các sản phẩm nhạy cảm* - cũng là các sản phẩm mà Việt Nam quan tâm nhất vì xuất khẩu nhiều nhất.

Cụ thể, trong bản chào mới này của Hoa Kỳ, các sản phẩm dệt may được chia vào 3 giỏ hàng:

■ **Giỏ 1** - bao gồm những mặt hàng nhạy cảm nhất: Giảm thuế ngay sau khi hiệp định có hiệu lực

từ 35-50% so với mức thuế hiện hành, sau đó giữ nguyên cho đến 10 năm sau đối với các sản phẩm đan và 15 năm sau đối với các sản phẩm dệt rồi mới xóa bỏ hoàn toàn thuế quan

■ **Giỏ 2** - bao gồm những mặt hàng nhạy cảm vừa: Cắt giảm thuế trong 5 năm, mỗi năm 20% so với mức hiện hành cho đến khi xuống 0%

■ **Giỏ 3** - bao gồm những mặt hàng còn lại: Xóa bỏ thuế ngay sau khi hiệp định có hiệu lực

Nếu Hoa Kỳ đưa quá nhiều sản phẩm vào Giỏ 1 thì dù có đạt được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ, các sản phẩm dệt may có liên quan của Việt Nam cũng không được hưởng lợi từ cắt giảm thuế quan.

Và theo một số nguồn tin nhận định, thì những đề xuất mới này của Hoa Kỳ trong lĩnh vực dệt may sẽ khiến nước này khó có thể nhận được sự đồng ý Việt Nam trong các lĩnh vực khác (đặc biệt là về sở hữu trí tuệ và doanh nghiệp nhà nước) bởi Việt Nam đã thể hiện rõ ràng mối liên hệ giữa việc này với việc có đạt được tiếp cận thị trường tốt hơn cho các sản phẩm dệt may hay không.

Đàm phán về quy tắc xuất xứ ngày càng phức tạp

Theo một nguồn tin, cho đến tháng 4/2014, các nước TPP đã thống nhất được về quy tắc xuất xứ chi tiết cho khoảng 62% hàng hóa ở cấp độ 6 số theo phân loại HS. Những sản phẩm còn lại là những sản phẩm có mức độ nhạy cảm cao và phức tạp như dệt may và thép.

Các nước cũng đã thống nhất được về việc áp dụng quy tắc cộng gộp cho tất cả các hàng hóa, kể cả các hàng hóa nhạy cảm nhất. Theo quy tắc này một nước TPP có thể sử dụng các nguyên liệu đầu vào từ các nước TPP khác trong sản phẩm cuối cùng mà vẫn được coi là đáp ứng



yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ, bao gồm cả trường hợp một sản phẩm từ một nước TPP được gia công hoặc chế biến thêm ở một nước thứ hai, thứ ba... trong TPP.

Tuy nhiên, *Hoa Kỳ hiện đang đàm phán tiếp cận thị trường hàng hóa trên cơ sở song phương và đưa ra bản chào hàng hóa khác nhau đối với các đối tác khác nhau*. Điều đó có nghĩa là nếu hiệp định được ký kết và có hiệu lực thì nước này sẽ áp dụng các mức thuế khác nhau cho cùng một loại hàng hóa tùy thuộc vào nước xuất xứ của hàng hóa đó trong TPP. Việc này sẽ khiến cho việc áp dụng quy tắc cộng gộp trở nên khó khăn.

Chẳng hạn, nếu Hoa Kỳ áp thuế đối với sữa của New Zealand cao hơn so với Malaysia thì một sản phẩm sữa nguyên liệu từ New Zealand nhưng chế biến chủ yếu ở Malaysia thì có thể được coi là xuất xứ Malaysia và nhập khẩu vào Hoa Kỳ với thuế suất áp dụng cho sữa của Malaysia và vì vậy thấp hơn thuế áp cho sữa nếu xuất từ New Zealand.

Tuy nhiên theo một nguồn tin thì cho đến thời điểm hiện tại, vấn đề cộng gộp này vẫn chưa được giải quyết dù trước đó đã có tới 4 đề xuất khác nhau của các nước về vấn đề này được đưa ra.

Một vấn đề nổi bật nữa là quy định về tỉ lệ tối thiểu của nguyên liệu không có xuất xứ nội khối được sử dụng trong hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan theo TPP. Theo một số nguồn tin, các nước TPP đều đồng ý cho phép sử dụng tỉ lệ này, nhưng Hoa Kỳ thì không muốn áp dụng cho một số loại hàng hóa nhạy cảm. Một nguồn tin cho biết Chile đang đề xuất tỉ lệ này là 10%, nhưng không rõ phản ứng của các nước khác như thế nào.

Một bước tiến mới trong đàm phán về quy tắc xuất xứ đó là các nước dường như đã giải quyết xong vấn đề liệu có nên cho phép các

doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa đáp ứng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan, hay là yêu cầu các doanh nghiệp phải xin chứng nhận xuất xứ từ một cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu. Theo một nguồn tin từ trang web của Bộ Ngoại giao Chile thì các nước TPP hiện đã thống nhất là sẽ áp dụng cả hai, tức là phương pháp doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ sẽ là phương pháp chính áp dụng phổ biến, nhưng việc xin giấy chứng nhận xuất xứ từ cơ quan có thẩm quyền sẽ vẫn được sử dụng trong một số trường hợp ngoại lệ và trong một khoảng thời gian nhất định sau khi TPP có hiệu lực.

Đàm phán về doanh nghiệp nhà nước sẽ loại trừ lĩnh vực dịch vụ

Tại hội nghị Bộ trưởng các nước TPP tại Singapore diễn ra từ ngày 22-25/2/2014, các nước đã thống nhất *thu hẹp phạm vi áp dụng các quy tắc đối với doanh nghiệp nhà nước (DNNN) chỉ ở lĩnh vực hàng hóa mà không áp dụng đối với lĩnh vực dịch vụ*. Nói cách khác, Chính phủ các nước TPP sẽ không bị hạn chế trong việc hỗ trợ cho các DNNN khi DNNN đó cung ứng dịch vụ tại thị trường nội địa. Và các nguyên tắc về cạnh tranh bình đẳng mà các nước đang đàm phán để đưa vào Chương DNNN trong TPP, nếu có, sẽ chỉ áp dụng cho các DNNN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa và các DNNN cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

Nếu tới tận cùng mà cam kết này vẫn không đổi, những DNNN của các nước TPP hoạt động trong các lĩnh vực như tài chính, viễn thông, y tế, giáo dục, phân phối, chuyển phát... trong thị trường nội địa, nơi mà những doanh nghiệp này thường chiếm vị thế độc quyền, sẽ không bị sờ gáy.



Với giới doanh nghiệp Mỹ, đây là một tin buồn, bởi những nỗ lực vận động để DNNN phải cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp dân doanh vậy là đã bị hạn chế đáng kể về hiệu quả.

Với Malaysia, một trong những nước phản đối kịch liệt chương DNNN ngay từ khi Mỹ đề xuất thì theo thông tin từ giới quan sát cái khó của nước này là Hiến pháp của họ không cho các nhà đàm phán nhiều không gian để xoay xỏa với DNNN. Và nếu cam kết lớn về DNNN trong TPP, họ sẽ phải sửa Hiến pháp, điều vốn không dễ thực hiện. Hơn nữa, dường như các nhà đàm phán Malaysia cũng sợ phải đối mặt với thực tế: đổi mới DNNN sẽ đung tới một mảng lớn của kinh tế nước này. Theo một nghị sỹ phe đối lập ở Malaysia, có tới 68% doanh nghiệp hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán nước này là DNNN.

Còn với những người đang trông chờ vào TPP như một là động lực, là sức ép để cải tổ hệ thống DNNN ở Việt Nam, để buộc các DNNN phải thay đổi, phải được đưa vào khuôn khổ của các nguyên tắc cạnh tranh công bằng, thì đây là một tin không mấy tốt lành. Nhóm các DNNN trong lĩnh vực dịch vụ của

Chuyên đề



Việt Nam là nhóm có nguồn vốn hóa rất lớn và là nhóm hiện đang được trông chờ nhất trong việc tái cơ cấu và hoạt động bình đẳng với các doanh nghiệp dân doanh.

Ý tưởng mới về bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với dược phẩm

Vấn đề sở hữu trí tuệ (SHTT) đối với dược phẩm là một trong những vấn đề khó khăn và gây nhiều tranh cãi nhất trong đàm phán TPP. Cho đến thời điểm hiện tại, các nước vẫn chưa thống nhất được về phương pháp tiếp cận đối với vấn đề này.

Tại cuộc họp các trưởng đoàn đàm phán TPP vừa qua, các nước TPP đã bắt đầu xem xét một phương pháp tiếp cận mới cho vấn đề bảo hộ SHTT đối với dược phẩm, theo đó vẫn sẽ thiết lập một gói các nghĩa vụ/tiêu chuẩn chung, duy nhất

cho tất cả các nước tham gia – cả phát triển và đang phát triển – nhưng cho phép lộ trình thực thi dài hơn đối với các nước đang phát triển, thu nhập thấp.

Theo một số nguồn tin, ý tưởng này là do Hoa Kỳ đưa ra, dù không phải dưới dạng một đề xuất chính thức. Một số nguồn khác lại cho rằng đó không phải là ý tưởng của Hoa Kỳ, và dự đoán là của Malaysia hoặc Mexico.

Dù sao, ý tưởng này cũng khác với đề xuất được cho là được Hoa Kỳ đưa ra năm ngoái về bảo hộ SHTT đối với dược phẩm, mà theo đó thiết lập hai tiêu chuẩn riêng biệt – một cho các nước có thu nhập thấp, một cho các nước có thu nhập cao – và các nước có thu nhập cao sẽ phải thực thi các tiêu chuẩn bảo hộ SHTT cao hơn. Tiêu chí để phân biệt một nước là thu nhập thấp hay

cao, theo nhiều người dự đoán, được xác định theo Ngân hàng Thế giới. Tổ chức này sử dụng tiêu chí Tổng Thu nhập Quốc gia (GNI) bình quân đầu người để phân loại các nước. Theo số liệu về GNI 2012 của Ngân hàng thế giới, các nước có thu nhập cao nếu có mức GNI bình quân đầu người từ 12.616 USD trở lên.

Nếu theo tiêu chí này, Chile sẽ bị phân loại là nước có thu nhập cao dù vẫn là nước đang phát triển tương đồng như Mexico – nước được phân loại là có thu nhập thấp, và vì thế Chile đã phản đối đề xuất ban đầu của Hoa Kỳ.

Còn nếu theo đề xuất mới, thì có thể Malaysia và Mexico sẽ ủng hộ vì các nước này chỉ một vài năm nữa là sẽ vượt ngưỡng GNI đó và đề xuất mới cho phép họ có thời gian chuẩn bị lâu hơn trước khi phải thực hiện các tiêu chuẩn bảo hộ SHTT cao.

Nhưng đối với Việt Nam, nước có mức thu nhập còn ở xa ngưỡng GNI trên, thì theo một nguồn tin, tỏ ra không mặn mà với ý tưởng mới này vì đề xuất cũ cho phép Việt Nam có lộ trình thực thi các tiêu chuẩn bảo hộ SHTT cao đối với dược phẩm dài hơn.

Còn đối với Hoa Kỳ, ý tưởng mới về bảo hộ SHTT đối với dược phẩm này có thể sẽ gặp phải những ý kiến trái chiều ngay trong nội bộ của nước này.

Các hãng sản xuất thuốc chắc hẳn sẽ ủng hộ việc áp dụng một tiêu chuẩn cao chung cho tất cả các nước nhưng với lộ trình khác nhau bởi phương pháp này dễ dự đoán hơn so với phương pháp áp dụng GNI.

Tuy nhiên, các thành viên quốc hội thuộc Đảng Dân chủ có thể sẽ chỉ trích ý tưởng mới này bởi nó đi ngược với Thỏa thuận “Mùng 10/5” đã đạt được giữa các Đảng viên Đảng Dân chủ và chính quyền Bush vào năm 2007. Thỏa thuận này nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thuốc giá rẻ cho các nước đang phát triển bằng cách đưa vào các tiêu chuẩn bảo hộ sáng chế và độc quyền dữ liệu trong các FTA giữa Hoa Kỳ với các nước đang phát triển để thực hiện hơn các tiêu chuẩn trong các FTA giữa Hoa Kỳ với cá nước phát triển.

Và mục tiêu kết thúc TPP vào tháng 11

Phát biểu sau cuộc gặp với Thủ tướng New Zealand ông John Key hôm 20/6/2014, *tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama đã thể hiện mạnh mẽ mong muốn kết thúc đàm phán TPP – hoặc ít nhất là kết thúc về cơ bản – vào cuối năm nay mà cụ thể là vào tháng 11* khi các nước TPP gặp mặt tại Hội nghị thượng đỉnh APEC tại Bắc Kinh. Như vậy, một lần nữa Hoa Kỳ lại là nước đặt ra mục tiêu kết thúc TPP vào cuối năm, sau “những cuối năm” của 2011, 2012, 2013

không thành.

Để đạt được mục tiêu này, ông Obama đã lên kế hoạch một lịch trình dày đặc cho đàm phán TPP trong thời gian tới. Cụ thể, sau vòng đàm phán không chính thức tại Ottawa, ông Obama đã đề xuất tổ chức tiếp các cuộc gặp của các nhóm kỹ thuật vào tháng 8, sau đó là một cuộc họp của các trưởng đoàn đàm phán vào tháng 9, và tiếp theo là cuộc gặp các bộ trưởng vào tháng 10. Tuy nhiên đề xuất này vẫn đang được các nước TPP cân nhắc và chưa thông qua.

Và để tiếp thêm động lực cho kết thúc đàm phán, cũng tại Ottawa, *Hoa Kỳ và Nhật Bản đã chính thức tuyên bố sẽ công khai nội dung đàm phán song phương giữa hai nước về tiếp cận thị trường vào tháng 10 tới.* Tuyên bố này đã đánh dấu một bước tiến mới trong đàm phán TPP bởi nếu 10 nước còn lại có thể biết được những nhượng bộ mà Nhật Bản dành cho Hoa Kỳ đối với các sản phẩm nhạy cảm như thịt bò, thịt lợn và sữa thì họ có thể sẽ đòi Nhật Bản những nhượng bộ tương tự. Và nếu như không được đáp ứng, các nước này có thể sẽ rút lại những nhượng bộ mà họ dự định sẽ đưa ra về tiếp cận thị trường.

Mặc dù có những động thái tích cực như vậy, giới quan sát vẫn cho rằng thời hạn tháng 11 khó có thể đạt được. *Thứ nhất* là bởi ngay bản thân Hoa Kỳ và Nhật Bản chưa chắc đã đạt được thỏa thuận về tiếp cận thị trường trường vào tháng 10. Hoa Kỳ hiện vẫn đang loay hoay trong bài toán cân bằng giữa một bên là Nhật Bản khẳng khẳng không xóa bỏ thuế quan đối với các sản phẩm nông nghiệp nhạy cảm nhất và một bên là các nhà sản xuất nông nghiệp trong nước liên tục tạo sức ép yêu cầu Hoa Kỳ phải đạt được tiếp cận thị trường nông sản Nhật Bản đáng kể cho họ.

Thứ hai, nếu kết quả đàm phán

song phương được công bố trước cuộc bầu cử quốc hội ở Hoa Kỳ vào tháng 11 thì có thể dẫn đến làn sóng phản đối từ khu vực nông nghiệp, và sẽ tác động tiêu cực đến các kết quả của Đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử. Vì vậy, chưa chắc chính quyền của ông Obama đã muốn công bố bất kỳ kết quả gì trước giai đoạn nhạy cảm đó.

Cuối cùng, dù nội dung đàm phán giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản được công bố vào tháng 10 thì đến tháng 11 cũng chỉ còn 1 tháng, không thể đủ thời gian cho các nước còn lại giải quyết hết các vấn đề còn tồn đọng để kết thúc TPP. Một số nguồn tin cho rằng cố gắng lắm thì các nước cũng chỉ có thể kết thúc được đàm phán về mở cửa thị trường vào tháng 11. Mà điều này cũng sẽ khó khăn bởi một số nước xuất khẩu nông sản như New Zealand có thể phản đối kết quả đàm phán giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản. Ngoài ra, sau khi đàm phán xong với Nhật Bản, một số nước như Hoa Kỳ hay New Zealand lại muốn quay ra đàm phán tiếp với Canada về tiếp cận thị trường sản phẩm sữa hay gia cầm – và đây cũng là những vấn đề rất khó khăn.

Nói chung, đàm phán TPP càng dài thì càng dai dẳng. Các vấn đề cũ chưa được giải quyết hết thì dường như các vấn đề mới lại phát sinh. Và cũng bởi vì số lượng thành viên tới 12 nước ở đủ các trình độ phát triển cao thấp khác nhau, sự thống nhất đạt được có vẻ càng khó khăn hơn. Nhưng dù sao thì doanh nghiệp Việt Nam vẫn cứ hy vọng, rằng đàm phán càng sâu càng kỹ thì kết quả đạt được càng tốt càng có lợi. Để rồi nếu hiệp định có được ký kết, sẽ mở ra cánh cửa vào 11 thị trường xuất nhập khẩu tiềm năng cho chúng ta, và để chúng ta không phải mãi trông chờ vào cánh cửa của một vài thị trường cũ, hạn hẹp và bất ổn...■

TPP

Một cánh cửa để thoát khỏi sự phụ thuộc về kinh tế vào Trung Quốc?

Những ngày đầu tháng 5, khi cả Việt Nam phẫn nộ, sôi sục trước sự kiện Trung Quốc ngang ngược hạ đặt giàn khoan Hải Dương 981 cùng nhiều tàu và máy bay hộ tống vào vị trí nằm sâu trong vùng đặc quyền kinh tế nước ta, hầu như chẳng ai còn bụng dạ nào để ý tới cuộc gặp cấp Trưởng Đoàn đàm phán Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) từ ngày 12 đến 15 tháng 5 ngay tại thành phố Hồ Chí Minh. Và rồi cũng trong bầu không khí nóng lên từng ngày tới tận tháng 7, ít ai ở Việt Nam quan tâm tới các cuộc đàm phán về TPP diễn ra tận trời Singapore, Canada.

Với những người Việt Nam hiếm hoi theo dõi về TPP, không mấy ai ngạc nhiên về những tiến triển mờ nhạt sau những cuộc gặp này. Nhưng phải thừa nhận là họ có một chút thất vọng, bởi với sự kiện ngoài Biển Đông, hơn lúc nào hết Việt Nam trông chờ biết bao nhiêu vào những tiến triển của đàm phán TPP, cũng như đàm phán tương tự giữa Việt Nam và EU, hay với Liên minh thuế quan Nga-Belarus-Kazakhstan. Những FTAs này, khi được đàm phán thành công và đi vào thực thi, sẽ là một trong những lối thoát có ý nghĩa cho Việt Nam trong việc giảm bớt và dần dần thoát khỏi tình trạng lệ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc như hiện nay, không chỉ vì những nguy cơ của một sự trả đũa ngầm mà còn vì sự cân bằng trong lâu dài của nền kinh tế Việt Nam.



Chuyên đề

Một chìa khóa mở rộng nguồn cung cho Việt Nam

Với bản chất là các thỏa thuận dành ưu đãi thuế quan cho hàng hóa từ các đối tác, các Hiệp định thương mại tự do (FTA) có thể giúp Việt Nam đa dạng hóa nguồn cung cho sản xuất cũng như tiêu dùng của mình.

Cụ thể, với các cam kết loại bỏ hoặc ít nhất là ưu đãi thuế quan theo FTA, trang thiết bị, máy móc, công nghệ phục vụ sản xuất, nguyên vật liệu đầu vào và hàng tiêu dùng từ các nước đối tác FTA, mà đặc biệt từ các nước có nền khoa học công nghệ tiên tiến, có sản phẩm hàng hóa chất lượng cao có thể nhập khẩu vào Việt Nam với giá cả hợp lý hơn, phần nào có thể cạnh tranh được với nguồn cung giá rẻ hiện tại từ Trung Quốc.

Lâu nay ai cũng biết máy móc, thiết bị giá rẻ từ Trung Quốc có thể hiệu suất không tốt, chất lượng không tới đâu, hoặc chả mấy lúc là phải thanh lý, dù vậy không phải ai cũng đủ nguồn lực để mua máy móc thiết bị châu Âu, châu Mỹ, tốt thì tốt thật nhưng giá đắt gấp đôi gấp ba. Ai cũng biết công nghệ giá rẻ mua hôm nay có thể gây tác hại ngày mai cho môi trường, cho sức khỏe, nhưng chỉ một số ít có thể chịu đựng được giá cả của các loại công nghệ xanh, công nghệ hiện đại thân thiện từ các nước tiên tiến. Doanh nghiệp nào mua nguyên liệu từ Trung Quốc không từng một vài lần lo thất ruột với chất lượng hàng nhận được, với sự bấp bênh của nhà cung cấp Trung Quốc nhưng lại chẳng đủ sức để mua nguyên liệu từ Hàn Quốc, Nhật Bản. Người tiêu dùng nào cũng biết đồ ăn thức uống giá rẻ bày bán khắp hàng cùng ngõ hẹp hiện có thể không vệ sinh, thực phẩm có thể nhiễm độc, nhiễm khuẩn một cách vô tình hoặc cố ý, nhưng không phải lúc nào cũng có thể lựa chọn mua thức khác.

Với các FTA, ít nhất giá cả của



hàng hóa đến từ ASEAN, Mỹ, Nhật, EU, Hàn Quốc, Úc, New Zealand... sẽ không phải cộng thêm thuế nhập khẩu vào Việt Nam, và vì vậy có thể tới tay các nhà sản xuất và người tiêu dùng với giá giảm hơn, ở mức có thể được tính tới trong lựa chọn của họ chứ không phải ngoài tầm với như trước đây.

Còn với các cam kết giảm bớt các điều kiện, hạ dần các hàng rào đối với dịch vụ đến từ các nhà cung cấp của đối tác trong các FTA, thị trường dịch vụ (xây lắp, tài chính...) của Việt Nam sẽ chứng kiến sự tham gia cạnh tranh sôi động hơn, bình đẳng và minh bạch hơn của các nhà cung cấp dịch vụ từ các đối tác với chi phí hợp lý hơn.

Tương lai này quả thực rất đáng để chúng ta lưu tâm trong bối cảnh các nhà thầu Trung Quốc có lúc chiếm tới 90% các hợp đồng EPC cho các nhà máy nhiệt điện Việt Nam, và chiếm tỷ lệ không nhỏ trong các dự án hạ tầng ở đây và không nhiều nhà thầu Trung Quốc hoàn thành công việc đúng thời hạn, đúng chất lượng cam kết, chưa nói tới chuyện hầu hết các dự án đều có giá thực đội lên cao hơn nhiều so với giá bỏ thầu, và hầu như không đảm bảo các quy định của pháp luật trong việc không sử dụng lao động phổ thông nước ngoài.

Với các lợi thế như vậy, rõ ràng là về mặt lý thuyết các FTA sẽ một cánh cửa để Việt Nam cải thiện phần nào



Với các FTAs với những đối tác lớn sắp tới, Việt Nam lại một lần nữa đứng trước cơ hội có thể tiếp cận nguồn cung với giá hợp lý hơn và với chất lượng tốt hơn từ các đối tác hàng đầu thế giới với nền kinh tế tri thức, nền kinh tế xanh của tương lai.

tình trạng “nhập siêu” hàng hóa, dịch vụ từ Trung Quốc, nguồn cung vốn trước nay áp đảo tất cả các nguồn khác chủ yếu bằng thể mạnh giá rẻ của mình.

Trên thực tế, với 7 trong 8 FTA mà Việt Nam đã ký kết là với các nước trong khu vực châu Á, châu Đại Dương, lẽ ra chúng ta đã có thể tận dụng để bổ sung dần nguồn cung Trung Quốc bằng nguồn cung từ các nước này, để khỏi phải lo lắng đầy vơi mỗi khi “người hàng xóm” làm mình làm mẩy hoặc đơn giản là hắt hơi sổ mũi.

Nhưng rồi thói quen mua hàng giá rẻ vẫn lấn lướt, để rồi thị trường hàng hóa nguyên liệu vẫn ngập hàng Trung Quốc, nhà thầu và lao động Trung Quốc ở khắp nơi, để rồi nhập siêu từ Trung Quốc vẫn “ngọt” trọn tất cả những nỗ lực xuất siêu của chúng ta sang các thị trường và khiến nền kinh tế tiếp tục lún sâu vào vị trí phụ thuộc.

Với các FTAs với những đối tác lớn sắp tới, Việt Nam lại một lần nữa đứng trước cơ hội có thể tiếp cận nguồn cung với giá hợp lý hơn và với chất lượng tốt hơn từ các đối tác hàng đầu thế giới với nền kinh tế tri thức, nền kinh tế xanh của tương lai.

Lựa chọn một lần nữa lại nằm trong tay các doanh nghiệp và người tiêu dùng Việt Nam.

Một lối ra khả dĩ cho xuất khẩu Việt Nam

Theo số liệu chính thức thì Trung Quốc chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của nước ta (13,1 tỷ USD trong tổng số 132,2 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu năm 2013 cả nước) và không phải thị trường lớn nhất (sau EU 24,4 tỷ USD, Hoa Kỳ 23,7 tỷ USD, ASEAN 18,5 tỷ USD và 13,6 tỷ USD). Tuy nhiên, Trung Quốc đang là thị trường tiêu thụ rau quả lớn nhất của Việt Nam, với tốc độ tăng trưởng

trung bình 50-60%/năm. Và dù không phải là các hợp đồng đấu thầu đình đám, Trung Quốc đang tiêu thụ một lượng không nhỏ gạo của Việt Nam. Và do đó thị trường này có ảnh hưởng trực tiếp và tức thời tới thu nhập của một bộ phận đáng kể nông dân và người sản xuất nông nghiệp nước ta, vốn là một khu vực dân cư nhạy cảm, có thu nhập thấp và rất dễ bị ảnh hưởng bởi các biến động của thị trường.

Việt Nam bán nông sản sang Trung Quốc chẳng phải vì giá cả hấp dẫn, so với các thị trường phương Tây, giá bán chỉ bằng 1/10. Chúng ta bán nông sản sang nước này cũng không suôn sẻ gì, mỗi năm mùa nào thức ấy câu chuyện bị xử ép tại cửa khẩu biên giới lại xảy ra, rồi tình trạng chậm thanh toán, hủy ngang hợp đồng tràn lan ...cũng thường xuyên lặp lại. Ai buôn bán nông sản sang biên giới phía Bắc đều phải chấp nhận nguy cơ có thể mất trắng những chuyến hàng, thậm chí là cả một mùa vụ.

Nhưng chúng ta vẫn tiếp tục xuất sang thị trường này, bởi chưa biết cách nào để vượt qua khoảng cách xa xôi, bảo quản dài ngày trên các chặng vận chuyển và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn thực phẩm để đến với khách hàng giàu có nhưng khó tính ở EU, Hoa Kỳ...

Vì vậy, việc thông qua các FTA để tiếp tục đa dạng hóa đầu ra cho các sản phẩm, đặc biệt là nông sản Việt Nam, tại các thị trường khó tính nhưng đầy tiềm năng là một cơ hội không thể bỏ qua. Với các FTA, nông sản Việt Nam không chỉ kỳ vọng ở việc tiếp cận thị trường với thuế quan ưu đãi mà còn ở các cơ hội để Chính phủ Việt Nam trao đổi, đàm phán với Chính phủ đối tác để giảm bớt, hoặc chí ít cũng để tìm hỗ trợ kỹ thuật và những giải pháp khác cho những vấn đề vốn trước nay là rào cản giữa Việt Nam và các thị trường này như hàng rào kỹ thuật, vệ sinh dịch tễ.

Chuyên đề



Thương mại toàn cầu- Sự phụ thuộc lẫn nhau

Trong lúc tìm những lối ra khả dĩ cho nền kinh tế để tránh tình trạng lệ thuộc “bỏ cả trứng Việt vào giỏ Trung” như hiện nay, cũng cần thừa nhận một thực tế là chúng ta đang kinh doanh trong một nền thương mại toàn cầu nơi mọi doanh nghiệp, mọi nền kinh tế đều có sự ràng buộc, liên hệ chặt chẽ với nhau. Điều này đúng với cả Việt Nam và Trung Quốc.

Trong lúc nhiều người lo ngại về những hành động trả đũa ngược của Trung Quốc với Việt Nam từ tranh chấp Biển Đông như đóng cửa biên giới, dừng các hoạt động xuất nhập khẩu với Việt Nam, cũng có những ý kiến khác cho rằng Trung Quốc không phải để gì làm điều đó

(ít nhất là từ góc độ chính thức, ở quy mô lớn). Các hoạt động giao thương với Việt Nam đang là nguồn thu chính cho một số tỉnh nghèo bậc nhất Trung Quốc. Việt Nam cũng là thị trường lớn nhất Đông Nam Á của các nhà thầu Trung Quốc. Nhà đầu tư Trung Quốc đang có những lợi ích lớn nhỏ tại các khoản đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp tại Việt Nam. Tất cả những điều này rõ ràng khiến người ta phải suy nghĩ trước khi quyết định bất kỳ biện pháp nào.

Về phía Việt Nam, dù có mở rộng nguồn cung tới đâu, dù có đa dạng hóa thị trường đầu ra tới đâu, Việt Nam cũng không thể bỏ qua nguồn nguyên liệu phong phú bậc nhất của Trung Quốc, không thể không mua sản phẩm hợp lý từ công xưởng lớn của thế giới này. Với

cách thức sản xuất hiện đại theo chuỗi giá trị toàn cầu, mỗi nước đều phụ thuộc vào các nước khác. Không một nước nào trên thế giới không giao thương với Trung Quốc. Và Việt Nam càng chắc chắn không phải là ngoại lệ của điều này.

Do đó, với các FTAs cũ và mới, với nhiều giải pháp khác nhằm giảm sự lệ thuộc vào Trung Quốc, chúng ta vẫn phải đồng ý với nhau rằng sự phụ thuộc lẫn nhau là tất yếu, và rằng việc duy trì quan hệ thương mại bình thường, ổn định giữa Việt Nam và Trung Quốc là cần thiết, vì lợi ích lâu dài của cả hai Bên.

Vì vậy, mọi động thái tẩy chay, bài xích, kỳ thị hay phá hoại hoạt động giao thương, đầu tư giữa hai Bên sẽ là thất sách, ảnh hưởng trực tiếp và lâu dài tới lợi ích của doanh nghiệp và nền kinh tế. ■



ỦY BAN TƯ VẤN VỀ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
TRUNG TÂM WTO
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 04.35771458
Fax: 04.35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn
Website: www.trungtamwto.vn/www.wtocenter.vn